

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 298/2026/DS-ST
Ngày: 03-9-2026
V/v: “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Hữu Ha

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Ông Danh Vũ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 09 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 07 năm 2026. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hoàng L - sinh năm 1965. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Bích L1 - sinh năm: 1964. Có mặt

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:*

1. Ông Đinh Hồng B - sinh năm: 1947. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Minh B1 - sinh năm: 1979. Có mặt.

3. Chị Đinh Thị Ánh T - sinh năm: 1980. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Phạm Thị Bích L1 trình bày:

Nguyên trước đây gia đình bà và ông L có quen biết với gia đình của ông Đinh Hồng B, ông Nguyễn Minh B1 nên có tin tưởng cho vay vàng nhiều lần.

Ngày 12/4/2010 (âm lịch), ông Lê Hoàng L có cho gia đình ông Đinh Hồng B, ông Nguyễn Minh B1 với bà Đinh Thị Ánh T vay số vàng là 20 chỉ vàng 24K (loại 98%). Lãi suất 1.400.000 đồng/tháng, 03 tháng đóng lãi một lần. Ông L và vợ chồng ông B1 - bà T có làm biên nhận cho ông L, cả 03 người cùng ký tên. Lần này, người trực tiếp thỏa thuận vay là ông Đinh Hồng B cùng vợ chồng B1 - bà T nên ông L đưa vàng cho 03 người cùng nhận. Thời hạn vay là 03 tháng.

Đến ngày 29/4/2010 (âm lịch), vợ chồng ông B1 - bà T tiếp tục hỏi vay thêm số vàng 10 chỉ vàng 24K (loại 98%), lần này chỉ có mặt vợ chồng ông B1 và chị T. Đồng thời ông B1 - bà T có đưa 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đinh Văn N đứng tên nên ông L tiếp tục cho vay thêm 10 chỉ vàng 24K nên lần này chỉ có T và B1 ký tên. Do ông L nghĩ ông B đã ký tên vào tờ giấy nhận nợ ngày 12/4/2010 âm lịch như đã trình bày ở trên nên mới đồng ý cho vay thêm. Ông B1 và bà T có đóng lãi được 06 tháng, sau đó không thực hiện nữa.

Tại thời điểm cho vay, bà L1 và ông L là vợ chồng nhưng do ông L trực tiếp giao dịch với bị đơn nên bà L1 hoàn toàn đồng ý việc chỉ mình ông L đứng đơn khởi kiện. Bà L1 yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L. Yêu cầu Tòa án buộc ông B, ông B1 và bà T cùng liên đới trả cho ông L 30 chỉ vàng 24K (loại 98%), không yêu cầu tính lãi.

Bà L1 xác định ông L chỉ yêu cầu trả lại vàng gốc và không yêu cầu tranh chấp gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc giao trả giấy chứng nhận do ông N đứng tên thì ông L sẽ tự thực hiện, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết trong vụ án này.

- Bị đơn - ông Nguyễn Minh B1 trình bày:

Ông B1 xác định đúng là ngày 12/4/2010 (âm lịch) thì cha vợ của ông là ông Đinh Hồng B và vợ chồng ông B1 - bà T cùng đến nhà của ông L để hỏi vay 20 chỉ vàng 98%, lý do có mặt ông B cùng tham gia ký tên là do ông L không cho vợ chồng ông đứng ra tự vay mà phải có mặt ông B đứng ra làm chứng để cho vợ chồng ông vay tiền thì ông L mới đồng ý cho vay nên có mặt ông B.

Đến ngày 29/4/2010 (âm lịch), vợ chồng ông trực tiếp ra gặp ông L để hỏi vay thêm số vàng là 10 chỉ vàng 24K (loại 98%) và chỉ có vợ chồng ông nhận vàng. Lần này, ông và bà T có đưa 01 giấy chứng nhận mang tên ông Đinh Văn N đứng tên cho ông L để đảm bảo trả nợ, hiện phần đất này vợ chồng ông cũng không biết và không được quyền sử dụng từ trước đến nay. Ông B1 xác định không yêu cầu tranh chấp gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giao cho ông L giữ. Ông B1 và ông L sẽ tự thực hiện, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết trong vụ án này.

Ông B1 xác nhận tờ nhận nợ do ông L cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ý và viết tên của cha vợ ông là ông Đinh Hồng B, ông B1 và bà T.

Từ lúc vay vàng cho đến nay, vợ chồng ông có thực hiện đóng lãi cho ông L một phần nhưng do vợ chồng ông đã tự nguyện thực hiện xong và ông bà cũng không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L thì vợ chồng ông hoàn toàn thừa nhận việc còn nợ ông L 30 chỉ vàng 24k (loại 98%), số vàng này do ông và bà T tự vay và tiêu xài nên vợ chồng ông sẽ tự chịu trách nhiệm trả nợ cho ông L. Hiện bà T đang đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, chúng tôi hiện cũng gặp

khó khăn nên yêu cầu ông L cho trả dần mỗi tháng trả 0,5 phân, nếu có nhiều hơn sẽ trả cho đến khi hết nợ.

Tại bản tự khai, ông Đinh Hồng B trình bày:

Ông B xác định ông B có đứng ra làm chứng việc vợ chồng anh B1 - chị T có vay tiền của ông L chứ ông B không liên quan.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà T và ông B không trình bày ý kiến và không tham gia phiên tòa đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp Tờ nhận nợ ngày 12/4/2010 (âm lịch) có thể hiện nội dung ông B, ông B1 hỏi vay số vàng 20 chỉ vàng 24K (loại 98%). Ngày 29/4/2010, ông L tiếp tục cho vợ chồng ông B1 - bà T vay thêm 10 chỉ vàng 24K (loại 98%).

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định có giao dịch vay mượn vàng và thừa nhận chữ ký, chữ viết trong biên nhận nợ do ông L cung cấp là đúng.

Do đó, căn cứ theo quy định tại các Điều 93, 94, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 256, Điều 281, Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L đối với ông Đinh Hồng B, ông Nguyễn Minh B1 và bà Đinh Thị Ánh T. Buộc ông Đinh Hồng B, ông Nguyễn Minh B1 và bà Đinh Thị Ánh T phải liên đới trả cho ông L 20 chỉ vàng 24K (Loại 98%), buộc ông Nguyễn Minh B1 và bà Đinh Thị Ánh T phải liên đới trả cho ông L 10 chỉ vàng 24K (Loại 98%).

Đối với phần tiền lãi ông B1 - bà T đã đóng xong cho ông L và việc ông L đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do các đương sự không tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Hoàng L khởi kiện yêu cầu ông Đinh Hồng B, ông Nguyễn Minh B1 và bà Đinh Thị Ánh T phải trả số vàng vay gốc, nên đây là tranh chấp kiện đòi tài sản. Bị đơn đều có nơi cư trú tại xã T, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025. Tòa án nhân dân

khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

Bị đơn - ông B, bà T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa nhưng ông B có đơn xin xét xử vắng mặt do sức khỏe, chị T đã được triệu tập họp lệ lần hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ gốc:

Quá trình giải quyết vụ án, ông L và ông B1 đều xác định sự việc ngày 12/4/2010 (âm lịch) thì ông Lê Hoàng L có cho ông Đinh Hồng B, ông Nguyễn Minh B1 với bà Đinh Thị Ánh T cùng vay số vàng là 20 chỉ vàng 24K (loại 98%), lần này có mặt ông B, vợ chồng ông B1 - bà T.

Đến ngày 29/4/2010 (âm lịch) thì ông L tiếp tục cho vợ chồng ông B1 - bà T tiếp tục vay thêm số vàng 10 chỉ vàng 24K (loại 98%), lần này chỉ có mặt vợ chồng ông B1 và chị T.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận có việc vay vàng. Ông B1 thừa nhận các biên nhận nợ do ông L cung cấp đúng là chữ ký của ông B và vợ chồng ông nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào biên nhận nợ và lời khai của các đương sự và quá trình tranh tụng có cơ sở xác định sự việc ông B1 và bà T có vay vốn của ông L là sự thật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, trước năm 2010 ông L yêu cầu ông B, ông B1 và bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông B, ông B1 và bà T không thực hiện.

Xét thấy, các bên giao kết hợp đồng vay thời hạn 03 tháng. Đến năm 2010, ông L yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi nhưng ông B, ông B1 và bà T không thực hiện là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Các đương sự đã tự nguyện giao kết hợp đồng vay tài sản, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Tuy thời hiệu khởi kiện hợp đồng vay đã hết nhưng ông L vẫn có quyền đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 155 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định sự việc ngày 12/4/2010 (âm lịch) thì ông Lê Hoàng L có cho gia đình ông Đinh Hồng B, ông Nguyễn Minh B1 với bà Đinh Thị Ánh T vay số vàng là 20 chỉ vàng 24K (loại 98%), lần này có mặt ông B, vợ chồng ông B1 - bà T được thể hiện theo “*Tờ nhận nợ*” ngày 12/4/2010 âm lịch có chữ ký của ông L, ông B, ông B1. Ông L và ông B1 xác định tại thời điểm cho vay vàng thì ông B đứng ra cam kết đảm bảo nên ông L mới đồng ý cho ông B1 - bà T vay.

Ông B cho rằng chỉ đứng làm chứng nhưng chữ ký trong “*Tờ nhận nợ*” nhưng nội dung không thể hiện ông B tham gia với tư cách làm chứng mà ký tên tại mục bên A tham gia giao dịch thể hiện ý chí đứng tên vay khi giao kết hợp đồng, ngoài

ra ông B1 xác định vay vàng của ông L về phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho vợ chồng ông và bà T nên ông L yêu cầu ông B và ông B1 - bà T cùng chịu trách nhiệm trả nợ là có căn cứ theo quy định tại d khoản 2 Điều 9 và Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 9, Điều 256, Điều 281, Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 155 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc ông Đinh Hồng B, ông Nguyễn Minh B1 với bà Đinh Thị Ánh T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoàng L số vàng là 20 chỉ vàng 24K (loại 98%).

Đối với giao dịch ngày 29/4/2010 (âm lịch), ông Lê Hoàng L trực tiếp giao dịch và đưa cho vợ chồng ông B1 - bà T tiếp tục vay thêm số vàng 10 chỉ vàng 24K (loại 98%), lần này chỉ có mặt vợ chồng ông B1 và chị T mà không có mặt ông B, ông B không ký tên vào tờ nhận nợ nên buộc ông B1 - bà T liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông L 10 chỉ vàng 24K (loại 98%). Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L về việc buộc ông B phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả 10 chỉ vàng này là chưa phù hợp, không có căn cứ chấp nhận.

Đối với ý kiến xin trả dần của ông B1, ông L không đồng ý nên sẽ được xem xét khi thi hành án.

Đối với phần tiền lãi ông B1 - bà T đã đóng xong cho ông L và việc ông L đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng L không được chấp nhận một phần nên ông L phải chịu án phí dân sự không giá ngạch là 300.000 đồng. Ông Lê Hoàng L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn phần nghĩa vụ nộp án phí của ông L phải nộp.

Buộc ông Đinh Hồng B, ông Nguyễn Minh B1 và bà Đinh Thị Ánh T phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có ngạch đối với số vàng 20 chỉ là: $(20 \text{ chỉ} \times 13.700.000) \times 5\% = 13.700.000$ đồng, mỗi người phải nộp số tiền án phí là 4.566.666 đồng. Ông Đinh Hồng B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn phần nghĩa vụ nộp án phí của ông B phải nộp.

Ông Nguyễn Minh B1 và bà Đinh Thị Ánh T, mỗi người phải nộp số tiền án phí 4.566.666 đồng.

Buộc ông Nguyễn Minh B1 và bà Đinh Thị Ánh T phải liên đới phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có ngạch đối với số vàng 10 chỉ là: $(10 \text{ chỉ} \times 13.700.000) \times 5\% = 6.850.000$ đồng.

Tổng cộng, ông Nguyễn Minh B1 và bà Đinh Thị Ánh T phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.983.332 đồng, làm tròn là 15.983.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ khoản d khoản 2 Điều 9, Điều 256, Điều 281, Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 155 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng L đối với ông Đinh Hồng B, ông Nguyễn Minh B1 và bà Đinh Thị Ánh T về việc tranh chấp kiện đòi tài sản.

2. Buộc ông Đinh Hồng B, ông Nguyễn Minh B1 với bà Đinh Thị Ánh T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoàng L số vàng là 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24K (loại 98%).

Buộc ông Nguyễn Minh B1 với bà Đinh Thị Ánh T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoàng L số vàng là 10 (Mười) chỉ vàng 24K (loại 98%).

3. Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng L không được chấp nhận một phần nên ông L phải chịu án phí dân sự không giá ngạch là 300.000 đồng. Ông Lê Hoàng L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn phần nghĩa vụ nộp án phí của ông L phải nộp.

Buộc ông Đinh Hồng B, ông Nguyễn Minh B1 và bà Đinh Thị Ánh T phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có ngạch đối với số vàng 20 chỉ là: $(20 \text{ chỉ} \times 13.700.000) \times 5\% = 13.700.000$ đồng, mỗi người phải nộp số tiền án phí là 4.566.666 đồng. Ông Đinh Hồng B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn phần nghĩa vụ nộp án phí của ông B phải nộp.

Ông Nguyễn Minh B1 và bà Đinh Thị Ánh T, mỗi người phải nộp số tiền án phí 4.566.666 đồng.

Buộc ông Nguyễn Minh B1 và bà Đinh Thị Ánh T phải liên đới phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có ngạch đối với số vàng 10 chỉ là: $(10 \text{ chỉ} \times 13.700.000) \times 5\% = 6.850.000$ đồng.

Tổng cộng, ông Nguyễn Minh B1 và bà Đinh Thị Ánh T phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.983.000 đồng (Mười lăm triệu, chín trăm, tám mươi ba nghìn đồng).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, ông L và ông B1 được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 03/9/2026, ông B và bà T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của

luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND KV5-AG;
- THADS tỉnh AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An